6. Xã Vụ Bản

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
1	**Quốc lộ 10**			
	Từ cầu Tào đến hết thôn Phú Quảng	10.000	5.000	2.500
	Từ giáp thôn Phú Quảng đến hết hộ ông Vị (chéo A)	11.500	5.800	2.700
	Từ giáp nhà ông Vị đến ngã tư tượng đài	12.000	6.000	3.000
	Từ ngã tư tượng đài đến đường rẽ Kim Thái (đội thuế Gôi)	13.000	6.500	3.500
	Từ đường rẽ Kim thái đến cổng trường Lương Thế Vinh	12.000	6.000	3.000
	Từ giáp cổng trường Lương Thế Vinh đến hết địa phận nhà ông Thiện (xã Vụ Bản)	11.000	5.500	2.500
2	**Đường Phía Nam đường sắt**			
	Từ cầu Tào đến cổng chào	7.000	3.500	1.700
3	**Tuyến đường Quốc Lộ 38B đi Nam Định**			
	Từ ngã tư Đồng Đội (giáp xã Minh Tân) đến hết xã Vụ Bản đoạn QL38B	9.000	4.500	2.300
4	**Tuyến Đường Tân Khánh Liên Bảo**			
	Đoạn từ QL 37B đến giáp xã Hiển Khánh	8.000	4.000	2.000
5	**Tuyến Quốc lộ 37 B (Kim Thái - Cộng Hòa)**			
	Từ đường rẽ HTX Nông nghiệp Nam Thái (Giáp Phương Linh) đến hết cầu Tiên Hương	10.500	5.300	2.700
	Từ giáp cầu Tiên Hương đến ngã tư Đồng Đội	9.000	4.500	2.300
6	**Tuyến Quốc lộ 37B đi Kim Thái**			
	Từ ngã tư tượng đài đến hết cầu núi cóc	10.000	5.000	2.500
	Từ giáp cầu Núi Cóc đến đường rẽ HTX Nam Thái (giáp công ty Phương Linh)	9.000	4.500	2.300
7	**Tuyến Quốc lộ 37B Đống Cao**			
	Từ barie đường sắt đến hết cầu Côi Sơn	11.000	5.500	2.500
	Từ giáp cầu Côi Sơn đến cầu máng Kênh Nam	9.000	4.500	2.200

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Từ cầu máng Kênh Nam đến đường rẽ vào thôn Phú Thứ	9.000	4.500	2.300
	Từ đường rẽ vào thôn Phú Thứ đến giáp xã Vạn Thắng	9.000	4.600	2.400
8	**Các tuyến đường trục xã**			
	Từ đội thuế Gôi đến hết nhà ông Nhượng (Trường Đảng)	6.000	3.000	1.500
	Từ giáp nhà ông Nhượng đến đầu thônVân Côi (rẽ chùa Yên)	5.000	2.500	1.200
	Từ đầu Vân Côi đến đền Giếng	5.000	2.500	1.200
	Từ barie đường sắt (Quốc lộ 10) đến hết cầu Kênh Nam	5.000	2.500	1.200
	Từ cầu kênh nam đến nhà ông Thuận (thôn Tây Côi Sơn)	5.000	2.500	1.200
	Tuyến đường vào hai cổng chợ Gôi	6.000	3.000	1.500
	Từ Quốc lộ 10 đi thôn Phú Thứ đến hết nhà ông Điều (giáp xã Vạn Thắng)	6.000	3.000	1.500
	Từ Quốc lộ 37B (rẽ vào thôn Phú Thứ) đến đường sắt (thôn Phú Quảng)	6.000	3.000	1.600
	Từ cầu Phủ Vân Cát đến giáp Hiển Khánh	7.000	3.500	1.900
	Từ ngã Tư chợ Sại xã đến cầu Phủ Vân Cát	6.000	3.000	1.600
	Từ ngã Tư chợ Sại đến Phủ Bóng (giáp đường QL 37B)	6.000	3.000	1.600
	Từ ngã Tư chợ Sại đến đền Ông Khổng	6.000	3.000	1.500
	Từ ngã tư chợ Sại đến đầu thôn Vân Cát 1	6.000	3.000	1.600
	Từ sau HTX Nông nghiệp Nam Thái đến ngã tư thôn Vân Cát	5.000	2.500	1.300

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Từ giáp đường Quốc lộ 37B đến trụ sở HTX Nông nghiệp Nam Thái (Ngã 3 kênh B6)	5.000	2.600	1.400
	Từ giáp xã Minh Tân đến đường vào thôn Lê Xá (Đường du lịch ven núi)	4.000	2.000	1.000
	Từ rẽ qua đường sắt qua nhà máy nước Vụ Bản đến hết địa phận xã Vụ Bản	6.000	3.000	1.500
9	**Khu đô thị thị trấn Gôi - Vụ Bản**			
	Khu vực 1 (Tuyến đường đôi có dải phân cách)	13.000	6.500	3.300
	Khu vực 2 (các tuyến đường còn lại)	11.000	5.500	2.800
10	**Điểm dân cư tập trung thị trấn Gôi**	8.000		
11	**Khu dân cư tập trung thị trấn Gôi**			
	Các lô đất liền kề tiếp giáp đường D1	13.000		
	Các lô biệt thự tiếp giáp đường D1	10.000		
	Các lô đất liền kề còn lại	11.000		
	Các lô đất biệt thự còn lại	8.000		
12	**Khu dân cư tập trung xã Tam Thanh**			
	Đường N1	8.000		
	Đường D1	7.000		
	Các thửa (lô) đất còn lại	6.000		
13	**Khu dân cư tập trung xã Kim Thái**			
	Đường N6	13.000		
	Các thửa (lô) đất còn lại	9.000		
14	**Điểm dân cư nông thôn xã Kim Thái**	5.000		

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
15	**Khu đất dịch vụ khu công nghiệp Bảo Minh**	4.000		
16	**Các đoạn đường, tuyến đường còn lại**			
	Đường có chiều rộng mặt trên 5m	3.000		
	Đường có chiều rộng mặt từ 3m - 5m	2.500		
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1.500		